

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 412/2017/DS-ST
Ngày: 20/9/2017
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Mai Hương
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 399/2017/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 280/2017/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N.

Trụ sở: Tầng B, Tòa nhà R, Số G đường Đ, Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hứa Thị T, sinh năm: 1986. Địa chỉ: đường Đ, Khu phố Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 18/4/2017). (Có yêu cầu vắng mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị Mỹ T, sinh năm: 1993. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường I, Khu phố A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N (sau đây gọi tắt là Công ty) cùng các lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 30/5/2015 bà Phạm Thị Mỹ T và Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150604-100206-0004 có nội dung Công ty Tài chính cho bà T vay số tiền 26.000.000đồng với lãi suất 3,75%/tháng, mục đích vay tiêu dùng, thời gian vay 24 tháng, mỗi tháng bà T phải trả cho Công ty tiền gốc và lãi là 1.662.000đồng.

Thực hiện hợp đồng Công ty đã giải ngân cho bà T số tiền 26.000.000đồng.

Bà T đã thanh toán cho Công ty được 01 đợt với số tiền 2.162.000đồng, trong số tiền này tiền gốc là 687.000đồng và tiền lãi là 1.475.000đồng, từ ngày 31/8/2015 bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Hiện bà T còn nợ Công ty số tiền gốc là 25.313.000đồng và lãi là 12.231.157 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 37.544.157đồng.

Nay Công ty yêu cầu bà T thanh toán số tiền 37.544.157đồng, thanh toán 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Công ty không yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp sau khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T không thi hành bản án thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại các điều 357, 467 Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các giấy triệu tập nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

* Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hứa Thị T có yêu cầu xin vắng mặt.

Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật.

Về nội dung: Ngày 30/5/2015 Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N và bà Phạm Thị Mỹ T ký hợp đồng tín dụng số 20150604-100206-0004 có nội dung Công ty Tài chính cho bà T vay số tiền 26.000.000đồng với lãi suất 3,75%/tháng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 24 tháng, mỗi tháng bà T phải trả cho Công ty tiền gốc và lãi là 1.662.000đồng. Bà T đã nhận đủ tiền và đã thanh toán cho Công ty 01 tháng là 2.162.000đồng, từ ngày 31/8/2015 bà T không thanh toán nữa. Như vậy có cơ sở xác định bà T còn nợ Công ty số tiền 37.544.157 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Phạm Thị Mỹ T, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do bà T đang cư trú tại quận Thủ Đức nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức. Đơn khởi kiện của Công ty phù hợp qui định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt khi tòa xét xử vụ án nên Tòa án căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, tuy nhiên bà T vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ theo qui định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

Theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140416-100206-0004 ngày 30/5/2015 (sau đây viết tắt là Hợp đồng) giữa Công ty và bà Phạm Thị Mỹ T thì Công ty cho bà T vay số tiền 26.000.000đồng với lãi suất 3,75%/tháng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 24 tháng, mỗi tháng bà T phải trả cho Công ty gốc và lãi là 1.662.000đồng, tháng cuối cùng trả 1.658.000đồng. Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho bà T số tiền 26.000.000đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi bất kỳ văn bản nào trình bày về nội dung vụ án và không nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu chứng cứ nào.

Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20140416-100206-0004 ngày 30/5/2015 giữa Công ty và bà Phạm Thị Mỹ T, Bảng sao kê chứng từ giải ngân của bà Phạm Thị Mỹ T và thực tế bà T đã thanh toán cho Công ty 01 đợt chứng tỏ bà T đã vay và nhận khoản tiền trên.

Theo bảng lịch sử thanh toán của bà Phạm Thị Mỹ T do Công ty nộp thì bà T đã thanh toán được 2.162.000đồng. Căn cứ theo hợp đồng thì trong số tiền trên gốc là 687.000đồng và lãi là 1.475.000đồng. Như vậy bà T còn nợ Công ty tiền vốn là 25.313.000đồng.

Về tiền lãi, theo Hợp đồng giữa Công ty và bà T thỏa thuận mức lãi suất là 3.75% phù hợp với quy định tại Khoản 1, 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán tiền lãi từ ngày 31/8/2015 đến ngày xét xử là 12.231.157đồng. Hội đồng xét xử xét theo lịch sử thanh toán của bà T thì ngày 08/7/2015 bà T thanh toán 1.662.000đồng, ngày 31/8/2015 bà T thanh toán 500.000đồng. Sau đó bà T không thực hiện bất cứ nghĩa vụ thanh toán nào. Số tiền gốc mà bà T còn nợ là 25.313.000đồng như vậy đúng theo hợp đồng thì bà T phải thanh toán tiền lãi trên số nợ gốc còn thiếu là $25.313.000\text{đồng} \times 3.75\%/\text{tháng} \times 26\text{ tháng} = 25.059.870\text{đồng}$. Tuy nhiên Công ty chỉ yêu cầu bà T thanh toán tiền lãi đến ngày xét xử là 12.231.157đồng là có lợi hơn cho bà T nên có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty không yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng mà chỉ yêu cầu, khi Công ty có đơn yêu cầu thi hành án mà bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền gốc.

Từ những phân tích ở trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N yêu cầu Phạm Thị Mỹ T thanh toán toàn bộ tiền gốc là 25.313.000đồng và tiền lãi là 12.231.157đồng, tổng cộng là 37.544.157đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Thị Mỹ T phải nộp trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 283, Điều 290, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014),
Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N.

Buộc bà Phạm Thị Mỹ T phải trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N số tiền 37.544.157đồng trong đó nợ gốc là 25.313.000đồng và tiền lãi là 12.231.157đồng.

Kể từ ngày Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc 25.313.000đồng thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo qui định tại các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Phạm Thị Mỹ T phải nộp 1.877.208đồng (một triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm lẻ tám) đồng.

Hoàn trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 938.603 (chín trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm lẻ ba) đồng theo Biên lai thu số 0015317 ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi,

bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- CCTHADS Q. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Thanh